

Số: 644/2026/QĐST-HNGĐ TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 457/2026/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông Trần Nhật Trường T, sinh năm 1988, CCCD số 049088013896 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/02/2022;

Địa chỉ: Căn hộ G lô M, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1988, CCCD số 049188002281 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/02/2022;

Địa chỉ: Căn hộ G lô M, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, ngày 21/5/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là UBND xã K, thành phố Đà Nẵng) thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Nhật Trường T và bà Võ Thị Mỹ H là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Nhật Trường T và bà Võ Thị Mỹ H cùng thống nhất trình bày: Ông bà tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là UBND xã K, thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 21/5/2014. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không phù hợp, dù cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn tiếng nói chung, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ. Nay nhận thấy cuộc sống chung không còn ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà cùng thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận ly hôn của ông bà.

[3] Về con chung: Có 04 con chung là Trần Nhật P, sinh ngày 22/8/2014, Trần Khả H1, sinh ngày 23/5/2016, Trần Gia B, sinh ngày 09/4/2017 và Trần Gia H2, sinh ngày 18/11/2020. Ly hôn cả hai thỏa thuận ông T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nhật P và Khả H1, bà H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng trẻ G và Gia H2, hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Bà Võ Thị Mỹ H tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Nhật Trường T và bà Võ Thị Mỹ H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 04 con chung là Trần Nhật P, sinh ngày 22/8/2014, Trần Khả H1, sinh ngày 23/5/2016, Trần Gia B, sinh ngày 09/4/2017 và Trần Gia H2, sinh ngày 18/11/2020. Ly hôn, ông Trần Nhật Trường T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nhật Phong và Khả H1, bà Võ Thị Mỹ H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Gia bảo và Gia H2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Võ Thị Mỹ H tự nguyện chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0024693 ngày 17/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND khu vực 4 TP.HCM;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Khâm Đức, Đà Nẵng;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Sâm